

Số: 65/2024/TT-BCA

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2024

THÔNG TƯ

**Quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn
giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy phép lái xe**

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Công an;*

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định kiểm tra kiến thức
pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để được phục hồi điểm giấy
phép lái xe.*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm để được phục hồi điểm giấy phép lái xe.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân (sau đây gọi chung là cán bộ) thực hiện nhiệm vụ kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Công an các đơn vị, địa phương.

3. Người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Người được tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Người được tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là người có giấy phép lái xe bị trừ hết điểm.

Điều 4. Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ:

1. Cục Cảnh sát giao thông.
2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 5. Bảo đảm điều kiện tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Bảo đảm về cơ sở vật chất, thiết bị thuộc quyền sử dụng của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra:

a) Có phòng kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, được trang bị máy tính, máy in dùng cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết trực tiếp phục vụ việc kiểm tra; máy tính để người dự kiểm tra sử dụng có kết nối mạng WAN Bộ Công an đến máy chủ đặt tại Cục Cảnh sát giao thông;

Máy chủ có cài đặt phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được Bộ Công an phê duyệt được kết nối với máy tính tại các điểm kiểm tra và phải bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu các máy tính sử dụng để phục vụ kiểm tra, lưu trữ nhật ký kết nối, chỉnh sửa dữ liệu.

b) Có hệ thống camera giám sát được toàn bộ hình ảnh phòng kiểm tra, có thiết bị lưu trữ dữ liệu hình ảnh camera. Hệ thống camera giám sát phải đảm bảo tính bảo mật, ngăn chặn các truy cập trái phép từ bên ngoài;

c) Trường hợp máy tính tại nơi kiểm tra chưa có kết nối mạng WAN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra sử dụng thiết bị có chức năng lưu trữ thông tin bảo đảm an ninh, an toàn để lưu trữ thông tin của người dự kiểm tra phục vụ việc tổ chức kiểm tra.

2. Cán bộ được giao nhiệm vụ kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ phải có giấy phép lái xe mô tô hạng A và giấy phép lái xe ô tô, được Cục Cảnh sát giao thông tổ chức tập huấn, cấp thẻ Sát hạch viên.

Điều 6. Nội dung, phương pháp, thời gian, kết cấu bài kiểm tra, kết quả kiểm tra đạt yêu cầu

1. Nội dung kiểm tra, bao gồm:

a) Kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được thực hiện theo câu hỏi sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết gọn là kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật);

b) Kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (sau đây viết gọn là kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng).

2. Phương pháp kiểm tra:

a) Đối với kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật, người dự kiểm tra thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm trên máy tính theo phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Đối với kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng, người dự kiểm tra xử lý các tình huống giao thông theo mô phỏng trên máy tính.

3. Thời gian, kết cấu bài kiểm tra và kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu:

a) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng A1 làm bài kiểm tra trong thời gian 19 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả từ 21/25 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 21/25 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu;

b) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng A, B1 làm bài kiểm tra trong thời gian 19 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 23/25 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 23/25 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu;

c) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng B làm bài kiểm tra trong thời gian 20 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 30 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 27/30 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 27/30 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu;

d) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng C1 làm bài kiểm tra trong thời gian 22 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 35 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 32/35 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 32/35 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu;

đ) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng C làm bài kiểm tra trong thời gian 24 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 40 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 36/40 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 36/40 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu;

e) Người dự kiểm tra có giấy phép lái xe hạng D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE làm bài kiểm tra trong thời gian 26 phút. Kết cấu bài kiểm tra gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi được tính 01 điểm, trong đó có 01 câu hỏi được tính là điểm liệt. Kết quả đạt từ 41/45 điểm trở lên là đạt yêu cầu. Trường hợp kết quả từ 41/45 điểm trở lên nhưng trả lời sai vào câu hỏi được tính là điểm liệt thì không đạt yêu cầu.

4. Thời gian, kết cấu bài kiểm tra và kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng đạt yêu cầu:

Thời gian kiểm tra không quá 10 phút. Bài kiểm tra được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông, mỗi câu hỏi là 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông, mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 05 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm. Số điểm đạt được của người dự kiểm tra tương ứng với thời điểm nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm mô phỏng. Người dự kiểm tra đạt từ 35/50 điểm trở lên là đạt yêu cầu.

5. Kết quả kiểm tra đạt yêu cầu được phục hồi điểm giấy phép lái xe:

a) Đối với trường hợp người có giấy phép lái xe mô tô bị trừ hết điểm: được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều này;

b) Đối với trường hợp người có giấy phép lái xe ô tô bị trừ hết điểm: được phục hồi điểm giấy phép lái xe khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu đối với cả 02 nội dung là kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật và kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật không đạt yêu cầu thì không được kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng.

Người có kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật đạt yêu cầu nhưng có kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật theo mô phỏng không đạt yêu cầu thì được bảo lưu kết quả kiểm tra lý thuyết kiến thức pháp luật trong thời gian 01 năm, kể từ ngày kiểm tra có kết quả đạt yêu cầu.

Người dự kiểm tra có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu có thể đăng ký kiểm tra lại sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra trước đó.

Điều 7. Đăng ký, tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra:

a) Đơn đề nghị kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng.

2. Thời gian tổ chức và nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra:

a) Thời gian tổ chức kiểm tra được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý;

b) Hồ sơ đăng ký kiểm tra nộp cơ quan có thẩm quyền kiểm tra trước ngày đăng ký kiểm tra một trong các hình thức sau: trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công Bộ Công an, qua Ứng dụng định danh quốc gia; qua dịch vụ bưu chính; trực tiếp.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến, người đăng ký kiểm tra thực hiện kê khai đầy đủ thông tin, đính kèm hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này và đăng ký ngày kiểm tra, lựa chọn cơ quan có thẩm quyền kiểm tra.

Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phân công cán bộ kiểm tra hồ sơ, viết giấy hẹn ghi rõ thời gian, địa điểm tổ chức kiểm tra.

3. Người đăng ký kiểm tra có thể nộp hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra quy định tại Điều 4 Thông tư này tại nơi thường trú, tạm trú, nơi ở hiện tại.

Người có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu có thể đăng ký kiểm tra lại tại cơ quan có thẩm quyền đã tổ chức kiểm tra trước đó hoặc lựa chọn cơ quan có thẩm quyền kiểm tra để đề nghị kiểm tra lại. Trường hợp đề nghị kiểm tra lại, nếu giấy khám sức khỏe còn giá trị sử dụng thì người đăng ký kiểm tra chỉ gửi đơn đề nghị kiểm tra.

4. Thông báo thời gian tổ chức kiểm tra:

a) Trước ngày kiểm tra ít nhất 02 ngày làm việc **sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ**, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo cho người đã đăng ký kiểm tra trước đó về thời gian, địa điểm kiểm tra qua địa chỉ email hoặc tin nhắn điện thoại ghi trong đơn đề nghị;

b) Trường hợp thay đổi thời gian, địa điểm kiểm tra đã thông báo trước đó thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phải thông báo cho người đã đăng ký kiểm tra trước đó qua địa chỉ email hoặc tin nhắn điện thoại ghi trong đơn đề nghị về thời gian, địa điểm kiểm tra.

5. Người dự kiểm tra có mặt theo đúng thời gian, địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo và sử dụng một trong các loại giấy tờ: thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân; giấy phép lái xe; giấy chứng nhận căn cước (đối với người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch); thẻ thường trú, thẻ tạm trú (đối với người nước ngoài) để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đối chiếu thông tin với thông tin trong đơn đề nghị.

Trường hợp thông tin của người dự kiểm tra có trong căn cước điện tử, hệ thống định danh và xác thực điện tử qua Ứng dụng định danh quốc gia thì khai thác, sử dụng để đối chiếu với thông tin của người dự kiểm tra trong đơn đề nghị.

6. Người dự kiểm tra thực hiện đăng nhập vào phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thực hiện nội dung kiểm tra theo hướng dẫn của cán bộ kiểm tra. Người dự kiểm tra phải chấp hành nội quy tại nơi tổ chức kiểm tra.

Người dự kiểm tra là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số không biết đọc, biết viết tiếng Việt khi đến kiểm tra sử dụng người phiên dịch do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuê người phiên dịch. Khi thực hiện nội dung kiểm tra, người phiên dịch phải dịch đúng, đủ câu hỏi trong phần mềm, giải thích, hướng dẫn đầy đủ cách thức kiểm tra để người dự kiểm tra thực hiện.

7. Kết thúc thời gian kiểm tra, người dự kiểm tra ký biên bản theo mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Thông tư này. Trường hợp người dự kiểm tra là người nước ngoài, người dân tộc thiểu số có người phiên dịch thì người dự kiểm tra và người phiên dịch ký tên hoặc điểm chỉ tại vị trí ký tên trong biên bản kiểm tra.

Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, 01 bản lưu trữ tại cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, 01 bản giao cho người dự kiểm tra.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

1. Bảo đảm điều kiện tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Đăng tải công khai tài liệu ôn luyện kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý.

3. Phân công cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra và cán bộ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

4. Định kỳ trước ngày 25 của tháng, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý về dự kiến ngày tổ chức kiểm tra của tháng tiếp theo để người đăng ký kiểm tra lựa chọn và đăng ký ngày kiểm tra trong mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Thông tư này.

5. Tổ chức kiểm tra ít nhất 02 lần trong 01 tuần và thông báo công khai ngày kiểm tra trên Cổng thông tin điện tử thuộc phạm vi quản lý.

6. Phổ biến, hướng dẫn quy trình thực hiện cho người dự kiểm tra khi tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

7. Thông báo kết quả kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người dự kiểm tra cho cơ quan của người có thẩm quyền trừ điểm giấy phép lái xe và cơ quan quản lý giấy phép lái xe khi chưa được kết nối, chia sẻ dữ liệu.

8. Lưu trữ tại cơ quan có thẩm quyền kiểm tra: dữ liệu hình ảnh camera giám sát phòng kiểm tra trong thời hạn ít nhất 02 năm; hồ sơ đăng ký kiểm tra, biên bản kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ dưới hình thức giấy và dữ liệu điện tử trên phần mềm trong thời hạn ít nhất 05 năm.

Điều 9. Kinh phí tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ

Kinh phí tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ được bố trí từ khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tiền đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này;
- b) Tổ chức nghiên cứu việc xây dựng, quản trị, duy trì, nâng cấp phần mềm kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an;
- c) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, quản lý công tác kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- d) Hướng dẫn thống nhất nội quy tại nơi tổ chức kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- a) Định kỳ 06 tháng, 01 năm hoặc đột xuất báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) kết quả thực hiện kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý;
- b) Tổ chức kiểm tra lưu động kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi bảo đảm điều kiện tổ chức kiểm tra quy định tại Điều 5 Thông tư này.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C08.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang

